

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



NGUYỄN ĐÔNG TRIỀU

THỂ LOẠI VĂN TẾ

TRONG

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

TP. Hồ Chí Minh, năm 2017

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

----- ∞ ☰ ☾ -----

NGUYỄN ĐÔNG TRIỀU

**THẺ LOẠI VĂN TẾ
TRONG
VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 62.22.34.01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Nguyễn Ngọc Quận; 2. PGS. TS. Nguyễn Tá Nhí

Phản biện độc lập:

1. PGS. TS. Nguyễn Viết Ngoạn

2. PGS. TS Nguyễn Hữu Sơn

Phản biện cấp cơ sở đào tạo:

Phản biện 1: PGS. TS. Lê Thu Yến

Phản biện 2: PGS. TS. Lê Giang

Phản biện 3. PGS. TS. Nguyễn Kim Châu

TP. Hồ Chí Minh, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Đông Triều

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	11
5. Đóng góp mới của luận án	11
6. Cấu trúc của luận án.....	12

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VĂN TẾ

VÀ VĂN TẾ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

1.1. Nguồn gốc, vai trò của lễ tế và văn tế của Trung Quốc.....	14
1.2. Các dạng văn tế chủ yếu của Trung Quốc.....	18
1.2.1. Chúc văn.....	18
1.2.2. Tế văn.....	19
1.2.3. Cáo văn	21
1.3. Diện mạo của thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam.....	22
1.3.1. Cách phân loại văn tế	22
1.3.2. Các trường hợp sáng tác văn tế	28
1.3.3. Đặc trưng thể loại của văn tế.....	34
1.3.4. Trữ lượng của văn tế và nguồn văn liệu dùng cho luận án	41
Tiểu kết chương 1	46

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA THỂ LOẠI VĂN TẾ

TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

2.1. Văn tế trong văn học trung đại Việt Nam khẳng định các giá trị đạo đức, luân lý chuẩn mực	48
2.1.1. Khẳng định các giá trị đạo đức chuẩn mực	49
2.1.2. Khẳng định các giá trị luân lý chuẩn mực	55
2.1.3. Tính chính danh về đạo đức, luân lý ở bản thân tác giả.....	72

2.2. Văn tế trong văn học trung đại Việt Nam ca ngợi tinh thần yêu nước, tinh thần tôn quân và tinh thần vì nhân dân	74
2.2.1. Ca ngợi tinh thần yêu nước, tinh thần tôn quân giai đoạn chống ngoại xâm	74
2.2.2. Thể hiện tinh thần tôn quân giai đoạn sau nội chiến và sau cuộc chống nội loạn	89
2.2.3. Ca ngợi tinh thần vì nhân dân.....	93
2.3. Văn tế trong văn học trung đại Việt Nam thể hiện tinh thần nhân đạo ...	95
2.3.1. Thể hiện tinh thần nhân đạo dành cho tướng sĩ hi sinh.....	96
2.3.2. Thể hiện tinh thần nhân đạo dành cho nạn dân	98
2.3.3. Thể hiện tinh thần nhân đạo dành cho cô hồn u uất	107
2.4. Văn tế trong văn học trung đại Việt Nam thể hiện ý nghĩa trào tiếu.....	111
2.4.1. Thể hiện tiếng cười hài hước.....	112
2.4.2. Thể hiện tiếng cười phê phán	113
2.4.3. Thể hiện tiếng cười đả kích	120
Tiểu kết chương 2.....	122

CHƯƠNG 3

HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA THỂ LOẠI VĂN TẾ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

3.1. Hệ thống văn thể của văn tế trong văn học trung đại Việt Nam	124
3.1.1. Phú.....	124
3.1.2. Văn xuôi	130
3.1.3. Thơ.....	133
3.1.4. Tạp thể	139
3.2. Ngôn ngữ của văn tế trong văn học trung đại Việt Nam.....	142
3.2.1. Cách dùng từ và cách đặt câu	142
3.2.2. Điển cố và cách vận dụng điển cố	162
3.2.3. Cách vay mượn văn liệu và quan niệm dân gian Việt Nam.....	177
3.3. Giọng điệu của văn tế trong văn học trung đại Việt Nam.....	180
3.3.1. Giọng trang nghiêm	181

3.3.2. Giọng tâm tình thân thiết.....	182
3.3.3. Giọng tự hào	184
3.3.4. Giọng bi ai oán thán.....	185
3.3.5. Giọng căm phẫn.....	187
3.3.6. Giọng hào hùng bi tráng	188
3.3.7. Giọng trào tiếu	190
3.4. Cách miêu tả tâm trạng qua thời gian và không gian của văn tế trong văn học trung đại Việt Nam.....	190
Tiểu kết chương 3	197
KẾT LUẬN	198
Những công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án.....	203
Danh mục tài liệu tham khảo	204
PHỤ LỤC	216
Phụ lục 1. Hình ảnh trang đầu một số tuyển tập Hán Nôm.....	216
Phụ lục 2. Danh mục tác giả tác phẩm văn tế.....	225
Phụ lục 3. Tác phẩm văn tế do tác giả luận án phiên dịch	251

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

B1	:	Bài văn tế thứ nhất ở bảng danh mục (khi tìm số hiệu này, người đọc sẽ biết được tên tác phẩm cùng những thông tin khác như tác giả, niên đại, văn tự, văn thể, hoàn cảnh ra đời, nguồn tư liệu...).
KH	:	Ký hiệu sách Hán Nôm
KHXH	:	Khoa học Xã hội
NĐT	:	Trích dẫn do tác giả luận án phiên dịch
NXB.	:	Nhà xuất bản
S	:	Số phát hành tạp chí
TBHNH	:	Thông báo Hán Nôm học
TT.	:	Trung tâm
VHN	:	Viện nghiên cứu Hán Nôm
VHTT	:	Văn hoá Thông tin
[1]	:	Tài liệu tham khảo số 1
[1; 1]	:	Tài liệu số 1, trang 1
[1; 1a]	:	Tài liệu số 1, trang 1a tuyển tập Hán Nôm
[1; 1, 2]	:	Tài liệu số 1, trang 1 và 2
[1; 1-3]	:	Tài liệu số 1, từ trang 1 đến trang 3
[1, T1; 1]	:	Tài liệu số 1, tập 1, trang 1

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Văn học trung đại là bộ phận quan trọng trong nền văn học nước ta, đã góp phần xây dựng nên bản lĩnh văn hoá của dân tộc ta trong hệ thống văn hoá, văn học khu vực và thế giới. Đến với văn học Việt Nam nói chung, văn học trung đại Việt Nam nói riêng, chúng ta biết đến nhiều vấn đề thú vị và ý nghĩa như chủ nghĩa yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm, chủ nghĩa nhân đạo, tình yêu thiên nhiên và con người, ý thức phê phán, tinh thần đấu tranh nữ quyền, tính trào phúng... Nhiều vấn đề trong số đó cũng là những vấn đề của văn học thế giới nói chung, đồng thời thông qua đó chúng ta cũng phát hiện ra những đặc trưng của văn học Việt Nam trong so sánh với các nền văn học khác trên thế giới. Nhận thấy ý nghĩa to lớn ấy, giới nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam của Việt Nam và một số nước trên thế giới đã đề tâm tìm tòi, nghiên cứu sâu những vấn đề trên và đã có nhiều khám phá bổ ích.

Khi nghiên cứu một thể loại văn học, hai phương diện được chú ý nhiều là nội dung và nghệ thuật của thể loại ấy. Đặc biệt đối với văn tế, nội dung và nghệ thuật là hai yếu tố gắn liền với thể loại.

1.2. Ở Việt Nam ngày nay khi nói đến văn tế, người ta thường chỉ nghĩ tới dạng văn tế ai điếu, tức văn tế người chết (còn gọi là văn tế ma, văn tế linh). Thực ra, văn tế vốn là một thể loại chức năng dùng để đọc trong các lễ tế nói chung, gồm tế trời đất, tế thần, tế thánh, tế mùa màng, tế người chết (vài trường hợp tế người sống), tế nhân vật lịch sử, tế khánh chúc, tế di tích... Về sau, dạng văn tế ai điếu phát triển thành một bộ phận đặc biệt của văn học Việt Nam với số lượng nổi trội, vượt khỏi phạm vi của một thể loại chức năng, vươn tới tầm cao nội dung, nghệ thuật và giá trị tư tưởng. Ngoài ra, xét cùng thể loại còn có một số bài văn tế mang nội dung trào phúng độc đáo.

Cũng như nhiều thể loại văn học trung đại khác của Việt Nam, văn tế được du nhập từ Trung Quốc. Sang Việt Nam, nó trở thành một trong những thể loại văn học nổi bật với

hiều thành tựu xuất sắc. Có thể nói, đây là thể loại văn học rất thích hợp với những dân tộc giàu lòng nhân ái và trọng tình trọng nghĩa như dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh nội dung thể hiện tình nghĩa và lòng nhân ái, thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam còn thể hiện nội dung lớn hơn, đó là lòng yêu nước và tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm. Diễn biến chiều sâu tâm lý và giá trị tư tưởng của văn tế từ đó cũng tăng tiến theo từng cấp độ: từ cấp độ thấp là tình cảm mang tính cá nhân, gia đình, đến cấp độ cao hơn là tình cảm có tính xã hội, cuối cùng đạt đến cực điểm là tình cảm, tư tưởng mang tầm vóc quốc gia dân tộc. Vì thế, khi nói đến văn học trung đại Việt Nam, văn tế là một trong các thể loại cần được quan tâm. Tuy nhiên, trong thực tế, thể loại này rất ít được nói đến. Trong các công trình nghiên cứu về văn học nói chung, về thể loại văn học nói riêng, văn tế chưa bao giờ được xem xét một cách đầy đủ và hệ thống, có chăng chỉ là phần phụ vào khi nghiên cứu về một trào lưu văn học hay một tác gia cụ thể có sáng tác thể loại này. Luận án của chúng tôi sẽ góp phần bổ khuyết những vấn đề trên.

1.3. Thể loại văn tế ra đời rất sớm trong văn học trung đại Việt Nam, đời Trần đã xuất hiện văn tế Nôm. Nhưng thể loại này chủ yếu ra đời, tồn tại, phát triển cao từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Tuy không phải là một thể loại phát triển sớm, nhưng xét ở một phương diện nào đó nó cũng xứng đáng được ghi nhận là một bộ phận vừa nối tiếp vừa song hành với chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại Việt Nam.

Ngoài ra, qua văn tế, chúng ta còn có thể hiểu được quan niệm tín ngưỡng, đời sống tâm linh, đời sống tinh thần của dân tộc; có thể tiếp thu, học hỏi cách đối nhân xử thế, đạo làm người của cha ông; từ đó góp phần bảo vệ, phát huy những giá trị tốt đẹp, thích hợp với thời đại. Đóng góp của thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam thật sự là một đề tài lớn để chúng ta tìm hiểu và nghiên cứu.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm văn tế thường dùng chỉ loại văn đọc trong lễ tế, gắn liền với nghi thức cúng tế thần linh và vong linh, gồm nhiều dạng khác nhau: chúc văn 祝文, tế văn 祭文, cáo văn 告文 (tế cáo văn 祭告文), điện văn 奠文 (tế điện văn 祭奠文)... Trong đó chiếm số lượng nhiều nhất là tế văn. Trong tế văn thì dạng văn tế vong linh là dạng quan

trọng nhất. Trong luận án của mình, chúng tôi chọn văn tế vong linh làm đối tượng nghiên cứu, vì đây là dạng văn tế có giá trị cao về phương diện văn học.

2.2. Với sự lựa chọn theo khái niệm văn tế, bên cạnh các dạng văn tế vong linh thì văn tế trào phúng cũng thuộc đối tượng nghiên cứu của chúng tôi. Bộ phận văn tế này thể hiện rõ thái độ phê phán của tác giả đối với các hiện tượng xấu của xã hội và tính xấu của con người. Đây là bộ phận rất đặc sắc trong văn tế của Việt Nam.

2.3. Sử dụng khái niệm “văn học trung đại”, chúng tôi dựa vào cách phân kỳ văn học coi văn học Việt Nam từ thế kỷ X - hết thế kỷ XIX là thuộc thời trung đại, chủ yếu sử dụng các tác phẩm văn tế ra đời từ cuối thế kỷ XIX trở về trước. Tuy nhiên, qua đến vài thập kỷ đầu thế kỷ XX, văn tế vẫn có sự liên tục về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật với các thời kỳ trước; hơn nữa có những hiện tượng văn tế rất tiêu biểu như văn tế của Phan Bội Châu. Vì vậy, trong luận án, chúng tôi có sử dụng cả một số tác phẩm văn tế ra đời vào đầu thế kỷ XX, đặc biệt là của những tác giả sống qua hai thế kỷ XIX - XX, trong những trường hợp cần thiết. Tổng cộng tác phẩm được khảo sát là 151/ 257 bài.

2.4. Khi nghiên cứu thể loại văn học, vấn đề quan trọng thường được nói đến là nội dung và nghệ thuật. Với đề tài lựa chọn cho luận án, ngoài tìm hiểu nguồn gốc thể loại, chúng tôi sẽ hệ thống, đi sâu nghiên cứu, phân tích nội dung, nghệ thuật của văn tế, ngõ hầu có đóng góp khiêm tốn cho việc nghiên cứu văn tế, đồng thời góp phần vạch ra con đường nghiên cứu tiếp theo về thể loại này ở nhiều phương diện khác nhau.

Qua quá trình khảo sát sâu văn bản, chúng tôi nhận thấy văn tế là một thể loại văn học thú vị còn nhiều điều cần tiếp tục nghiên cứu. Với năng lực còn hạn chế và trong phạm vi luận án, chúng tôi chỉ bước đầu tìm hiểu, nghiên cứu thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam ở hai khía cạnh nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.

3. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VĂN TẾ

Việc giới thiệu thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam đã được quan tâm từ đầu thế kỷ XX qua *Dọn bốn lễ đầu* của Hoàng (Huỳnh, Huỳnh) Tịnh Paulus Của năm 1904 [26], sau đó là các tờ báo Quốc ngữ thời kỳ đầu như *Nam phong*, *Phụ nữ tân văn*, *Nông cổ mín đàm*... Từ đó về sau, việc giới thiệu, bàn luận về văn tế được một số nhà sưu tầm, nghiên cứu tiếp tục thực hiện qua một số bài báo, giáo trình, sách vở... Trong phần

này, qua số tư liệu hiện có, chúng tôi điểm lại lịch sử nghiên cứu văn tế nói chung, trong đó tập trung chú ý những ý kiến bàn về nội dung, nghệ thuật của văn tế qua ba bộ phận chính: nghiên cứu thể loại; nghiên cứu tác giả, tác phẩm; sưu tập, giới thiệu tác phẩm.

3.1. Nghiên cứu thể loại

Về sách vở, năm 1918, Phan Kế Bính cho ra đời *Việt Hán văn khảo* (Mặc Lâm tái bản 1970) bàn về văn chương chữ Hán của Trung Quốc, Việt Nam và triết học Trung Quốc, có đôi dòng nói về nội dung, mục đích và thể văn của văn tế [19; 34]. Đến 1939, *Văn học Việt Nam* của Dương Quảng Hàm (TT. Học liệu Bộ Giáo dục) ra đời trình bày kỹ hơn về các lối văn tế, phép làm văn tế theo lối Đường phú, trong đó nói rõ cách gieo vần, cách đặt câu, luật bằng trắc, bố cục thông thường của một bài văn tế [43; 63-66]. Từ thập kỷ 90 của thế kỷ trước đến nay, một số công trình khác về văn học Hán Nôm nói riêng và văn học Việt Nam nói chung, trong đó có nói về văn tế, tiếp tục được xuất bản như *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại* của Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (xuất bản năm 1971; NXB. TP.HCM tái bản năm 1999); *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm* của Lê Trí Viễn và nhóm soạn giả (tập 3, xuất bản năm 1983; NXB. Giáo dục tái bản năm 1986); *Quy luật phát triển lịch sử văn học Việt Nam* của Lê Trí Viễn (NXB. Giáo dục tái bản, 1999); *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* của Trần Đình Sử (xuất bản năm 1999; NXB. ĐHQG HN tái bản năm 2005); *Các thể văn chữ Hán Việt Nam* của Trần Thị Kim Anh, Hoàng Hồng Cẩm (NXB. KHXH, 2010)...

Các sách này trình bày nhiều vấn đề về văn tế như nguồn gốc, mục đích, nội dung, phương thức sáng tác, thi pháp, thể văn. Nhìn chung, việc trình bày chỉ dừng lại ở mức hết sức sơ lược. Theo đó, mục đích, nội dung chủ yếu của văn tế được nói tới là khóc thương người chết, kể lại công đức, tính tình để tưởng nhớ; thể văn thường được chia khái quát thành hai loại: tự do và luật phú (đa phần là luật phú); thậm chí có nhận định không phù hợp thực tế rằng nội dung của văn tế “bị hạn chế” do mục đích của nó [153; 135]. Nói như vậy là chưa xem xét toàn diện thể loại này.

Các sách trên ít nhiều đều có giới thiệu một số bài văn tế tiêu biểu.

Về bài báo, có một số bài đáng chú ý. Đầu tiên là “Đặc trưng thể loại của văn tế” (Ngô Gia Võ, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (34), 1998). Sau khi nhắc lại một số đặc trưng thể loại của văn tế đã được thừa nhận như: đối tượng, nội dung cơ bản, phương thức biểu

cảm, thể văn, giá trị văn học; tác giả đã trình bày thêm một đặc trưng thể loại quan trọng, đặc trưng này “nằm ở ý thức và mục đích sáng tác” của tác giả văn tế. Theo đó, văn tế được sáng tác nhằm vào hai đối tượng: người sống và người chết. Chính ý thức này đã “chi phối tâm lý sáng tạo của nhà văn thời trung đại”, tạo ra một “không gian nghệ thuật của riêng văn tế mà các thể loại văn học khác tuyệt nhiên không có” [155; 18].

Quan trọng hơn, từ đặc trưng này, tác giả còn tiến thêm một bước là xem xét lại một cách nghiêm túc một số quan niệm và cách hiểu văn tế [155; 18].

Bài viết này vừa hệ thống sơ lược những đặc trưng thể loại của văn tế, vừa đề nghị cái nhìn mới về những đặc trưng đó, đồng thời tác giả bài viết còn đưa ra đặc trưng mới trên cơ sở nghiên cứu của mình.

Bài thứ hai là “Một số suy nghĩ về văn tế Việt Nam thời trung đại” (Phạm Tuấn Vũ, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (84), 2007). Tác giả góp phần khẳng định thành tựu về nội dung và nghệ thuật của văn tế Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX khi xuất hiện nhiều tác phẩm “lấy đề tài từ các quan hệ xã hội, thể hiện những tư tưởng tình cảm ở một tầm độ mới”, tức là nhìn nhận nội dung tư tưởng của văn tế ở phạm vi rộng hơn, sâu hơn so với những công trình nghiên cứu nói trên. Về hình thức, tác giả cũng giải thích rõ vì sao văn tế làm nhiều theo lối phú, nhất là phú Đường luật [157; 55, 56].

Thông qua bài viết “Đặc trưng hệ thống thể loại của văn chương yêu nước nửa sau thế kỷ XIX ở Việt Nam” (Nguyễn Văn Thế, *Nghiên cứu Văn học*, số 1, 2008), tác giả nhận định về tầm quan trọng của văn tế thời kỳ từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX: “Văn tế phát triển ở cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX và đạt được nhiều thành tựu to lớn nhất vào những năm cuối thế kỷ XIX.” [128; 84] Nguyên nhân là vì có sự chuyển biến lịch sử, sự thay đổi thời cuộc, sự tham gia của các sĩ phu yêu nước cùng với sự thay đổi đề tài, chủ đề và cách vận dụng các thể văn có nhiều khả năng đi vào quần chúng. Tức là văn tế đã đáp ứng được nhu cầu thực tế của người dân và thời cuộc. Bài viết cũng khẳng định vị trí Nguyễn Đình Chiểu và những bài văn tế của ông trong văn học yêu nước.

Có thể thấy, số công trình nghiên cứu có nói về thể loại văn tế quá ít ỏi, nghiên cứu trực tiếp thể loại này còn hiếm hoi hơn. Thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam tuy đạt nhiều thành tựu nhưng đến nay chỉ được nghiên cứu vài khía cạnh và vẫn còn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Qua một số tài liệu bước đầu khảo sát như trên, chúng tôi nhận

thấy, những nghiên cứu về thể loại văn tế còn rất rải rác, chưa đầy đủ, sâu sắc, một số nhận định còn phiến diện, hoặc chỉ nhìn ở một bộ phận nhỏ của thể loại này.

3.2. Nghiên cứu tác giả tác phẩm

Số lượng công trình nghiên cứu về tác giả tác phẩm văn tế có phong phú hơn. Nhiều công trình dày dặn có nói về văn tế được xuất bản trong suốt thời gian từ đầu thập kỷ 80 của thế kỷ trước đến thời gian gần đây. Có thể kể một số công trình tiêu biểu: *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ (tập 2 xuất bản năm 1961, tập 3 xuất bản năm 1965; NXB. Đồng Tháp tái bản trọn bộ năm 1998), *Lịch sử văn học Việt Nam* (tập 4A, xuất bản năm 1963; NXB. Giáo dục tái bản năm 1976), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX* của Nguyễn Lộc (NXB. ĐH&THCN, 1971; tái bản 1976), *Văn học Nam Hà (văn học Đường Trong thời phân tranh)* của Nguyễn Văn Sâm (Lửa Thiêng, 1972), *Văn học Miền Nam Lục Tỉnh* của Nguyễn Văn Hầu (tập 3, 1974; NXB. Trẻ tái bản 2012), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX* của Nguyễn Lộc (tập 1 và 2, NXB. ĐH&THCN, năm 1976; tái bản năm 1992), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* của Xuân Diệu (NXB. Văn học, 1987), *Sơ kính tân trang* do Hoàng Hữu Yên hiệu đính chú giải (xuất bản năm 1994; NXB. ĐHQG Hà Nội tái bản năm 2002), *Phê bình nghiên cứu văn học* của Lê Đình Ky (NXB. Giáo dục, 2000), *Văn học Việt Nam (từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX)* của Nguyễn Phạm Hùng (NXB. ĐHQG HN, 2001)...

Các sách này giới thiệu, bàn luận về một số tác giả văn tế như Nguyễn Hữu Chính, Phan Huy Ích, Lê Ngọc Hân, Nguyễn Bá Xuyên, Nguyễn Du, Phạm Thái, Nguyễn Văn Thành, Lê Khắc Cẩn, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Quang Bích, Võ Phát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... cùng tác phẩm của họ. Trong đó đáng chú ý hơn hết là các công trình của Phạm Thế Ngũ, Nguyễn Lộc, Nguyễn Phạm Hùng.

Nhiều vấn đề về thể loại văn tế đã được Phạm Thế Ngũ trình bày trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*. Đáng chú ý gồm hai vấn đề sau: Thứ nhất, nói về thể tài, Phạm Thế Ngũ cho rằng, văn tế vì có vận ở cuối câu nên có thể xếp vào vận văn, và vì có đối nên cũng có thể xếp vào biên văn; Thứ hai, nói về sự phát triển của văn tế, ông cho rằng, văn tế phát triển cao vào thời Tây Sơn, là “một món quà mới của văn học Tây Sơn”. Về vấn đề thứ nhất, rõ ràng cách phân loại của tác giả là chưa đầy đủ. Về vấn đề thứ hai,

theo chúng tôi, thực ra thời đại vàng son của văn tế không chỉ đời Tây Sơn mà kéo dài qua đời Nguyễn, đến cuối thế kỷ XIX.

Cũng trong quyển sách này, Phạm Thế Ngũ dẫn ra lời bình của Phạm Quỳnh về “những cái hay” của *Văn tế tướng sĩ trận vong* (một bài văn tế được xem là kiệt tác thời Nguyễn sơ) của Tiền quân Nguyễn Văn Thành. Đây có thể xem là lời bình hay nhất về một tác phẩm văn tế kiệt xuất mà chúng tôi được đọc.

Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX của Nguyễn Lộc không trình bày một cách hệ thống về văn tế mà đưa ra những nhận định có tính khái quát về thể loại này. Theo tác giả, văn tế là một trong những thể loại “phát triển nhất” của giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, văn tế “thích hợp trong việc diễn đạt những tình cảm lớn” [73; 44], văn tế ở giai đoạn này “được sáng tác trong các phong trào kháng chiến chống Pháp rầm rộ nên không chỉ bi thương mà còn căm phẫn” [73; 45]. Tác giả có đôi dòng nhắc đến một số tác phẩm cụ thể như *Văn tế Cơ-ri-vi-ê* (khuyết danh), *Tế chinh Tây trận vong tướng sĩ văn* (Văn tế tướng sĩ đánh Pháp bị tử trận) của Lê Khắc Cần, *Văn tế ông Cai Trí* (khuyết danh)..., trong đó đặc biệt nhấn mạnh sự nổi tiếng của tác gia Nam Bộ Nguyễn Đình Chiểu và giá trị của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* trong cả nước. Đồng thời, tác giả mạnh dạn đưa ra nhận định về hạn chế trong tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu qua văn tế là có hiện tượng “chuyên từ tin tưởng, hi vọng sang bi quan, thất vọng” [73; 135].

Cũng Nguyễn Lộc, trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX* nhắc đến một số bài văn tế quen thuộc như *Văn tế Trương Quỳnh Như* (Phạm Thái), *Văn tế chị* (Nguyễn Hữu Chính), *Phụng soạn tôn tế bắc lai trận vong chư tướng văn* (Vũ Huy Tấn)..., kèm đôi dòng nhận xét về từng tác phẩm. Đây chỉ là những dòng ít ỏi về một số bài văn tế cụ thể giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX, chưa lột tả được hết đặc điểm về nội dung, nghệ thuật của thể loại văn tế.

Văn học Việt Nam (từ thế kỷ X đến thế kỷ XX) của Nguyễn Phạm Hùng viết về văn học sử Việt Nam theo thể loại. Mặc dù tác giả cho rằng quyển sách này “còn thiếu vắng nhiều thể loại văn học quan trọng”, nhưng cũng đã trình bày khá đầy đủ các thể loại tiêu biểu cho từng thời kỳ, trong đó có thể loại văn tế (thời Lê trung hưng - thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX và thời Nguyễn - nửa cuối thế kỷ XIX). Trong khuôn khổ có hạn của quyển sách mà phải trình bày toàn bộ nền văn học nên mỗi thời kỳ, mỗi thể loại được viết

hết sức ngắn gọn, bao quát. Cũng như nhiều nhà nghiên cứu khác, tác giả nhận định văn tế “thuộc loại văn học nghi lễ, có tính cao nhã, trang trọng, nhưng cũng là một phương diện trữ tình độc đáo” và khẳng định giai đoạn thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX là “thời kỳ thịnh đạt của văn tế với hàng loạt tác phẩm khá đặc sắc.” Giai đoạn này có những tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Hữu Chính, Phan Huy Ích, Lê Ngọc Hân, Nguyễn Huy Lượng, Nguyễn Bá Xuyên, Nguyễn Du, Phạm Thái... Tác giả giới thiệu đôi dòng về nội dung và nghệ thuật của *Văn tế chi*, *Văn tế Trương Quỳnh Như*, *Văn tế vua Quang Trung* (Lê Ngọc Hân), *Văn tế thập loại chúng sinh* (Nguyễn Du). Sang giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, Nguyễn Phạm Hùng nhận định tác giả nổi tiếng nhất về văn tế là Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời giới thiệu những bài văn tế quen thuộc của tác giả này.

Có thể nói, đây là một trong số ít sách giới thiệu, bàn luận nhiều tác phẩm văn tế nhất. Tuy nhiên, với số lượng tác phẩm nhiều nhưng chỉ được viết tổng cộng chưa đầy 12 trang nên vấn đề trình bày ở đây vô cùng ngắn gọn, ít ỏi, chủ yếu giúp người đọc biết tên tác phẩm và nội dung khái quát của chúng mà thôi.

Bên cạnh các công trình dài hơi còn có một số bài viết về tác giả tác phẩm, tiêu biểu như “Lễ Vu lan với văn tế cô hồn” của Hoàng Xuân Hãn (*Tạp chí Văn học*, số 2, 1977), “Một số ý kiến về 2 bài *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*, *Thác lời trai phường nón* của Nguyễn Du và bài *Thác lời gái phường vải* của Nguyễn Huy Quỳnh” của Nguyễn Huy Mỹ (*Tạp chí Hán Nôm*, số 2, 1990), “Nguyễn Du và *Văn tế thập loại chúng sanh*” của Thích Nguyên Hiền (*Suối nguồn*, số 7, 2004), “Nguyễn Bá Xuyên và những đóng góp về thơ ca Quốc âm” của Trần Thị Băng Thanh (*Nghiên cứu Văn học*, số 3, 2005), “Nguyễn Du và *Văn tế thập loại chúng sinh* trong tương quan văn hoá Phật giáo” của Phạm Tuấn (*Tạp chí Hán Nôm*, số 2, 2006)... Trong đó, ngoài vấn đề nội dung và nghệ thuật, vài nhà nghiên cứu đã cố gắng truy tìm nguồn gốc của *Văn tế thập loại chúng sinh*.

3.3. Suru tập, giới thiệu tác phẩm

Các công trình sưu tập, giới thiệu tác phẩm khá nhiều. Giới thiệu văn tế nói chung có: *Dọn bốn lễ đầu* (1904) [26], *Việt âm văn uyển* (1919) [106], *Văn đàn bảo giám* (Nam Ký xuất bản, 1925-1930; NXB. Văn học tái bản 1998) [152], “Hai bài văn tế tuyệt hay” (1932) [151], *Cuộc tiến hoá văn học Việt Nam* (1943, tái bản năm 1968) [99], *Văn tế cổ và kim* (1960) [21], *Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX* (1973) [35], *Văn học*

Miền Nam Lục Tỉnh (1974; tái bản 2012) [52], *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930)* (1976, tái bản) [123], *Sài Gòn Gia Định qua thơ văn xưa* (1987) [159], *Tổng tập văn học Việt Nam* (1993-1996) [79], *Văn thơ Nôm thời Tây Sơn* (1997) [140] ... Có sách sưu tập văn tế của một số tác giả cùng địa phương là *Văn tế ở Bình Định* (2008) [32]. Công trình sưu tập số lượng tác phẩm nhiều nhất là *Văn tế cổ và kim, Tổng tập văn học Việt Nam và Văn tế ở Bình Định*.

Giới thiệu văn tế của từng tác giả (hữu danh, khuyết danh): *Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu một lãnh tụ trọng yếu trong phong trào Đông du ở Miền Nam* (1964; tái bản 2002) [51], “Bài văn tế nghĩa trung do Thoại Ngọc hầu chủ tế cô hồn tử sĩ sau ngày đào kinh Vĩnh Tế” (1970) [49], *Thoại Ngọc hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang* (1972) [50], *Nguyễn Đình Chiểu thơ văn yêu nước chống Pháp* (1982) [163], *Tác phẩm Nguyễn Thông* (1984) [115], *Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thơ và văn tế* (1987) [146], “Bài văn tế vợ của Nguyễn Cao” (1987) [20], “Thêm một số thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu” (1988) [116], “Một bài văn tế bằng chữ Nôm của Bà Huyện Thanh Quan” (1990) [48], *Những danh sĩ Miền Nam của Hồ Sĩ Hiệp*, Hoài Anh (1990) [57], *Phan Bội Châu toàn tập* (1992) [124], *Thơ văn Tự Đức* (1996) [31], *Nguyễn Du toàn tập* (1996) [147], “Ho Nguyễn ở Xuân Viên và bài văn Nôm của tám giáp tế Nguyễn Khắc Kiền” (1997) [75], “Một bài văn tế về cuộc binh biến thành Phiên An” (2001) [117], *Nguyễn Hữu Huân nhà yêu nước kiên cường nhà thơ bất khuất* của Phạm Thiều (2001) [132], *Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX* của Bảo Định Giang (2002) [36], *Ngô Thì Nhậm toàn tập* (tập 1, 2003; tập 2, 2004) [37] [38], *Dương Bá Trạc con người và thơ văn* (2004) [126], “Văn tế mõ” (2004) [89], *Thơ văn Phan Thanh Giản* (2005) [67], *Hà Đình Nguyễn Thuật tác phẩm* (2005) [121], “Văn tế các vong hồn tử nạn ở Đa Giá Thượng” (2005) [90], *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và lời bình* (2005) [119], “Một bài văn tế tướng sĩ nhà Thanh tử trận” (2005) [66], “Một bài văn tế của Nguyễn Đăng Thịnh” (2006) [118], “Văn tế người nô bộc tình nghĩa” (2006) [91], *Xuyến Ngọc hầu tác phẩm (Công thân Nguyễn Án phủ sứ truyện)* (2006) [113], “Bài văn tế Mai Anh Tuấn của Thượng thư Kinh lược Bắc Kỳ Nguyễn Đăng Giai” (2008) [65], “Hệ thống thể loại trong *Hoàng Việt văn tuyển* của Bùi Huy Bích” (2009) [55], “*Bài Văn tế Phạm Đình Trọng* của Tiên sĩ Trần Danh Lâm” (2010) [150], *Phan Bội Châu toàn tập bổ di 1* (2012) [127], *Cao*

Bá Quát toàn tập (2012) [69]... Một số tờ báo như *Nam phong*, *Phụ nữ tân văn*, *Nông cổ mín đàm*, *Đồng Nai văn tập*... có giới thiệu một số bài văn tế trong nhiều kỳ. Chúng tôi cũng đã giới thiệu 8 bài trên *Tạp chí Hán Nôm*, *Thông báo Hán Nôm học*, *Xưa và Nay*, *Bình luận văn học*.

Tác giả có tác phẩm được sưu tập nhiều nhất là Phan Bội Châu, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Bá Xuyên; tác giả được giới thiệu nhiều nhất là Nguyễn Đình Chiểu.

Một số công trình thông qua viết về một tác giả có giới thiệu văn tế của tác giả khác: *Chân dung Phan Thanh Giản* (1974) [93] có *Văn tế Võ Trường Toản và Phan Thanh Giản* của Nguyễn Trọng Tôn; *Ngô Thì Nhậm trong văn học Tây Sơn* (1985) [68] có *Phụng soạn tôn tế bắc lai trận vong chư tướng văn* (Văn tế tướng sĩ nhà Thanh tử trận) của Vũ Huy Tấn; *Nguyễn Huy Quynh cuộc đời và thơ văn* (2012) [77] có *Tế Hữu Đốc thị Nguyễn Phùng Hiên* (Văn tế Nguyễn Phùng Hiên) của Phạm Nguyễn Du...

Một số sách giới thiệu tác phẩm có trình bày đôi nét về nội dung và nghệ thuật, trong đó đáng chú ý có *Văn tế cổ và kim*, *Xuyến Ngọc hầu tác phẩm*... nhưng nhìn chung rất sơ lược. Các sách này chủ ý sưu tập tác phẩm, không phải là công trình nghiên cứu chuyên sâu nên tác giả không đưa ra lý giải hay chứng minh cho những luận điểm của mình. Tuy nhiên, từ những điều trình bày vắn tắt ấy cũng có thể là cơ sở cho những nghiên cứu chuyên sâu.

Ngoài ra, một số từ điển giải thích mục “văn tế” khá chi tiết như *Văn hoá phong tục Việt Nam* (2002, tái bản) [103], *Từ điển văn học* bộ mới (2004) [58], *Từ điển thuật ngữ văn học* (2007, tái bản) [46]...

Nhận xét chung: Chiếm tỉ lệ lớn nhất là các công trình sưu tập giới thiệu tác phẩm, kế đến là nghiên cứu tác giả tác phẩm, sau cùng là nghiên cứu thể loại. Các công trình trên nghiên cứu chung về thể loại cũng có, nghiên cứu riêng về tác giả tác phẩm cũng có, nhưng nhìn chung chỉ ở một chừng mực nhất định. Về nội dung một số công trình chú ý nhiều đến nội dung yêu nước, kế đến là nội dung nhân đạo; nội dung trào phúng cũng được nói đến nhưng chủ yếu chỉ nói về *Văn tế vợ* của Trần Tế Xương, *Văn tế Crivier* của Nguyễn Khuyến. Về nghệ thuật thường đề cập vấn đề thể văn và ngôn ngữ ở mức độ sơ lược. Các sách khi viết về văn tế đều chọn phân tích trong số những tác phẩm quen thuộc của những tác giả nổi tiếng. Nếu có nhắc đến một vài tác phẩm khác thì chỉ đưa ra tiêu đề

hay văn bản tác phẩm mà không phân tích hay nhận xét về chúng. Chính vì thế, một thể loại chứa đựng nhiều điều thú vị như văn tế chắc chắn vẫn còn cần sự quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu của giới nghiên cứu. Công trình của chúng tôi kế thừa kết quả nghiên cứu của người đi trước về nội dung và nghệ thuật của văn tế, đồng thời tiếp tục nghiên cứu sâu và tìm thêm những điểm mới về hai phương diện này ngõ hầu điểm xuyết vào cho việc nghiên cứu, khai thác thể loại văn tế ngày càng hệ thống hơn.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Phương pháp văn bản học: Luận án có sử dụng nhiều tác phẩm văn tế đã được phiên dịch và giới thiệu, công bố trong các công trình nghiên cứu, dịch thuật trước nay. Đối với tác phẩm có nhiều bản dịch, nếu có nguyên văn chúng tôi sẽ so lại trước khi quyết định dùng bản nào. Với thái độ trân trọng công sức của người dịch, bản dịch nào tương đối tốt thì chúng tôi sử dụng (có ghi xuất xứ rõ ràng). Trường hợp cảm thấy không thoả mãn với bản dịch vì dịch sai hoặc quá xa so với nguyên văn, chúng tôi sẽ tự dịch lấy.

4.2. Phương pháp nghiên cứu lịch sử - xã hội: Nghiên cứu văn tế trong mối liên hệ với lịch sử - xã hội..

4.3. Chúng tôi còn vận dụng các phương pháp và thao tác khác như phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống, nghiên cứu liên ngành để đưa ra những nhận định có tính thuyết phục khi nghiên cứu.

5. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Luận án này hoàn thành, chúng tôi hi vọng có đóng góp ở các phương diện sau:

5.1. Về mặt nguồn gốc thể loại: Văn tế là thể loại có nguồn gốc từ Trung Quốc nên luận án có một phần nói về nguồn gốc thể loại. Chủ yếu chúng tôi dựa vào một số công trình nghiên cứu của Trung Quốc để tổng thuật về nguồn gốc và các dạng văn tế của Trung Quốc. Sau đó tham khảo một số công trình nghiên cứu của Việt Nam kết hợp với nguồn tư liệu Hán Nôm tìm được để tìm ra điểm tương đồng, dị biệt giữa văn tế của Việt Nam so với văn tế của Trung Quốc.

5.2. Về mặt tư liệu: Chúng tôi đã tập hợp được một số lượng khá lớn tác phẩm văn tế từ nguồn tư liệu gốc Hán Nôm. Kết hợp với các tư liệu về tác phẩm đã được công bố

trước đó, chúng tôi tiến hành khảo sát, phân loại và rút ra một số đặc điểm cơ bản của thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam về các phương diện như trữ lượng, phân loại, trường hợp sáng tác, đặc trưng thể loại...

5.3. Về mặt dịch thuật: Sau khi khảo sát nguồn tư liệu Hán Nôm nói trên, chúng tôi chọn một số bài tiêu biểu để phiên dịch, chú thích (22 bài cả Hán lẫn Nôm dịch hoặc phiên âm toàn bài; một số bài dịch một phần) theo tiêu chí đa dạng về nội dung và nghệ thuật. Những bản dịch này sẽ đóng góp vào cho lĩnh vực phiên dịch văn tế thêm phong phú cả về số lượng và chất lượng. Đây cũng là một trong những cơ sở để chúng tôi đưa ra những nhận định về nội dung và nghệ thuật của thể loại văn tế trong luận án của mình.

5.4. Về nội dung văn tế: Tìm ra, hệ thống, nêu nhận định và chứng minh nhận định về nội dung chủ yếu của văn tế trước nay chưa được nói tới hoặc nói chưa đầy đủ: khẳng định các giá trị đạo đức luân lý chuẩn mực; ca ngợi tinh thần yêu nước, tinh thần tôn quân, tinh thần vì nhân dân, tinh thần nhân đạo; thể hiện ý nghĩa trào phúng sâu sắc... Qua đó cho thấy văn tế Việt Nam chứa đựng nhiều nội dung tư tưởng có ý nghĩa và giá trị to lớn, thiết thực.

5.5. Về hình thức nghệ thuật văn tế: Tìm ra, hệ thống, nêu nhận định và chứng minh nhận định về hình thức nghệ thuật văn tế trung đại Việt Nam trước nay chưa được nói tới hoặc nói chưa đầy đủ: hệ thống văn thể, ngôn ngữ, giọng điệu, nội dung điển cố, sự vận dụng linh hoạt điển cố, tập Kiều và lấy Kiều, các kiểu điệp, câu đối lập, từ ngữ và cú thức mẫu... Qua đó cho thấy hình thức nghệ thuật văn tế có nhiều điểm đặc sắc, góp phần nâng cao sức hấp dẫn và giá trị nội dung của thể loại này.

5.6. Ở một số chỗ cần thiết, chúng tôi đưa ra ý kiến của mình bước đầu nhìn nhận lại vấn đề tác giả của một bài văn tế hoặc nhìn nhận lại một sự kiện lịch sử liên quan đến người đứng tế (tác giả) và đối tượng được tế. Điều này cũng có một phần ích lợi cho việc nghiên cứu nội dung của một số bài văn tế cụ thể.

6. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm 211 trang chính văn, 100 trang phụ lục (3 phụ lục). Phần chính văn ngoài *Mở đầu* (13 trang), *Kết luận* (5 trang), *Danh mục bài báo* (1 trang), *Tài liệu tham khảo* (12 trang, 180 đề mục), nội dung chính chia thành 3 chương (185 trang):

Chương 1. *Tổng quan về văn tế và thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam* (34 trang). Trình bày các vấn đề: nguồn gốc, vai trò của lễ tế và văn tế của Trung Quốc; các dạng văn tế chủ yếu của Trung Quốc; diện mạo của thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam.

Chương 2. *Nội dung chủ yếu của thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam* (76 trang). Trình bày những nội dung chính của văn tế: khẳng định các giá trị đạo đức, luân lý chuẩn mực; ca ngợi tinh thần yêu nước, tinh thần tôn quân, tinh thần vì nhân dân; thể hiện tinh thần nhân đạo; thể hiện ý nghĩa trào phúng.

Chương 3. *Đặc điểm hình thức nghệ thuật của thể loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam* (70 trang). Trình bày những đặc điểm nghệ thuật chủ yếu của văn tế: đa dạng về thể văn; đặc sắc về ngôn ngữ, giọng điệu; vận dụng điển cố vừa theo kiểu truyền thống vừa linh hoạt, có vận dụng điển cố từ lịch sử và văn học cổ điển Việt Nam; vận dụng một số thủ pháp nhằm làm tăng khả năng biểu đạt.